ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thực hiện Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, cụ thể hóa, tổ chức triển khai thực hiện các quan điểm, yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" phù hợp với thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, phát huy giá trị văn hóa, con người Quảng Ngãi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Nhằm huy động hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện; tăng cường hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng, nền tảng và dịch vụ số, từng bước hình thành hệ sinh thái văn hóa số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

Việc triển khai tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, gắn với tổ chức thực hiện tốt Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 02/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW; Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 01/8/2026 của UBND tỉnh triển khai Chương trình hành động số 14-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa, giai đoạn 2026-2030. Triển khai có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình phù hợp; ưu tiên các nhiệm vụ có tính nền tảng, có khả năng triển khai nhanh, mang lại hiệu quả thiết thực.

Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ dữ liệu; tuân thủ các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bảo vệ bí mật nhà nước.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ và chất lượng triển khai Kế hoạch.

II. NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA

Căn cứ 5 trụ cột chiến lược theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ, tổ chức triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh, bảo đảm xây dựng khuôn khổ tổ chức và vận hành thống nhất, đồng bộ, hiệu quả nhằm phục vụ công tác quản lý, thúc đẩy hoạt động sáng tạo, phổ biến và thụ hưởng văn hóa trên môi trường số với các nội dung trọng tâm sau:

1. Phát triển hạ tầng số và nền tảng dữ liệu văn hóa dùng chung của tỉnh:

Phát triển hạ tầng số và các nền tảng dữ liệu văn hoá dùng chung của tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đồng bộ, hiện đại, an toàn, có khả năng mở rộng; chủ động kiểm soát các nguy cơ rủi ro, bảo vệ tài nguyên số, dữ liệu và chủ quyền văn hóa trên môi trường số nhằm làm cơ sở bảo đảm các hoạt động quản lý, sáng tạo, phân phối và thụ hưởng văn hóa được triển khai trên môi trường số thông minh, an toàn, hiệu quả và bền vững.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về văn hóa:

- Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; tạo môi trường pháp lý minh bạch, đồng bộ, khuyến khích đổi mới sáng tạo, sản xuất, phổ biến các tác phẩm, sản phẩm văn hóa trên môi trường số.

- Hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý nhà nước; đột phá về tư duy quản lý, đổi mới mô hình và phương thức điều hành trên cơ sở số hóa quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xây dựng hệ thống quản trị và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.

3. Phát triển nguồn nhân lực số cho ngành văn hóa:

Trang bị, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nghệ sĩ và người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nhằm nâng cao khả năng thích ứng, chủ động dẫn dắt và sáng tạo trên môi trường số; bảo đảm phát triển đội ngũ nhân lực đủ năng lực, kỹ năng, tinh thần chủ động thích ứng với chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; xây dựng lực lượng chuyên gia nòng cốt, cán bộ dẫn dắt và mạng lưới nhân sự hỗ trợ tại cơ sở, kết hợp giữa năng lực văn hóa - công nghệ - quản trị.

4. Số hóa di sản và tài nguyên văn hóa:

Số hóa toàn diện di sản văn hóa và tài nguyên văn hóa bằng công nghệ hiện đại, bảo đảm tính hệ thống, chuẩn hóa, đồng bộ, liên thông, thống nhất và dùng chung dữ liệu; góp phần bảo tồn lâu dài, bền vững, nâng cao giá trị di sản văn hóa, mở rộng khả năng tiếp cận và lan tỏa tri thức văn hóa; đồng thời tạo nguồn tài nguyên số phong phú phục vụ hiệu quả công tác nghiên cứu, sáng tạo, giáo dục, truyền thông và phát triển công nghiệp văn hóa trong thời kỳ chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

5. Phát triển công nghiệp văn hóa số:

- Tổ chức sản xuất, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm văn hóa trên nền tảng số, nhằm phát triển thị trường văn hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng không gian sáng tạo và tạo động lực phát triển kinh tế cho ngành văn hóa.

- Phát triển các mô hình kinh tế số trong lĩnh vực văn hóa dựa trên tài nguyên văn hóa số để tạo nguồn lực tái đầu tư cho bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá.

III. MỤC TIÊU VÀ TẦM NHÌN

1. Mục tiêu tổng quát:

Triển khai đồng bộ, toàn diện chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm hình thành hệ sinh thái văn hóa số hiện đại, thống nhất, liên thông từ cấp tỉnh đến cơ sở; góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa đặc sắc của tỉnh và nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giàu tính sáng tạo và chủ động hội nhập quốc tế; đưa văn hóa số trở thành nguồn lực mới cho phát triển bền vững; thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa; bảo đảm tài nguyên văn hóa được mở rộng số hóa, chia sẻ và khai thác hiệu quả, phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- 100% lĩnh vực văn hóa có nền tảng số dùng chung.

- Ít nhất 80% di sản văn hóa phi vật thể của vùng đồng bào dân tộc thiểu số được số hóa và lưu trữ trong các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về văn hóa.

- 100% dữ liệu chuyên ngành văn hóa của tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh và hệ thống dữ liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- 100% đơn vị quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành văn hóa xây dựng và triển khai kế hoạch, lộ trình chuyển đổi số phù hợp với chức năng nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn.

- 100% bảo tàng công lập trên địa bàn tỉnh triển khai ứng dụng công nghệ số trong quản lý, trưng bày và cung cấp dịch vụ.

- 100% thư viện công cộng triển khai dịch vụ thư viện số và chia sẻ tài nguyên số.

- 100% di tích quốc gia đặc biệt, bảo vật quốc gia, di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn tỉnh, trên 80% di tích cấp tỉnh được số hóa bằng công nghệ phù hợp.

- 100% loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của tỉnh (Bài chòi, hát bả trạo, cồng chiêng và các loại hình nghệ thuật dân gian tiêu biểu của tỉnh…) được số hóa, quảng bá trên các nền tảng số.

- 100% cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thực hiện kết nối và đồng bộ cơ sở dữ liệu chuyên ngành với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung.

- Phấn đấu ít nhất 70% bảo tàng, thư viện, đoàn nghệ thuật, liên đoàn thể thao, khu du lịch, cơ quan báo chí và doanh nghiệp nội dung số có dữ liệu chia sẻ, kết nối với hạ tầng dữ liệu dùng chung của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- 100% cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức, văn nghệ sĩ, học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục, đào tạo có liên quan trên địa bàn tỉnh được tiếp cận, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng số.

- Bảo đảm ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa trên môi trường số.

3. Tầm nhìn đến năm 2045:

Phát triển hoàn thiện hệ sinh thái văn hóa số toàn diện, thông minh, có tính tương tác cao; vừa bảo tồn, phát huy bản sắc dân tộc, vừa lan tỏa mạnh mẽ giá trị văn hóa và con người Quảng Ngãi trong môi trường số, góp phần đưa Quảng Ngãi trở thành địa phương có nền văn hóa phát triển, giàu bản sắc, thích ứng với xu thế

chuyển đổi số toàn diện của đất nước. Phấn đấu các ngành công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo đóng góp tối thiểu 3% GRDP của tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung:

a) Về cơ chế, chính sách:

- Áp dụng thực hiện đồng bộ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực văn hóa về bản quyền số, sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và các quyền liên quan, dữ liệu văn hoá số, tài sản văn hoá số, nội dung số, dịch vụ văn hóa số và các hoạt động văn hóa trên môi trường số.

- Áp dụng thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công - tư trong chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa. Nghiên cứu đề xuất thí điểm cơ chế hỗ trợ đổi mới sáng tạo, thử nghiệm và triển khai các mô hình sáng tạo ứng dụng công nghệ hiện đại.

- Tham gia chương trình chuyển giao công nghệ, phát triển công nghệ lõi trong lĩnh vực văn hóa.

- Triển khai quy định bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và chủ quyền số trong hoạt động văn hóa. Áp dụng cơ chế kiểm soát nội dung xuyên biên giới, phòng chống rò rỉ dữ liệu văn hóa quan trọng, bảo vệ các nền tảng dữ liệu do Nhà nước đầu tư; tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Triển khai các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ triển khai đồng bộ hệ sinh thái số văn hóa.

b) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính:

- Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm của ngành văn hóa. Phân bổ ngân sách thực hiện bảo đảm tính lâu dài, ổn định và phù hợp tiến độ triển khai chuyển đổi số.

- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng văn hóa số, bảo tàng số và du lịch thông minh. Thực hiện xã hội hóa trên nguyên tắc minh bạch, bình đẳng, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào các dịch vụ văn hóa trên nền tảng số.

- Thực hiện lồng ghép nhiệm vụ chuyển đổi số văn hóa vào các Chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án lớn của tỉnh nhằm tận dụng hiệu quả các nguồn lực tổng hợp và tạo tính liên kết giữa các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ, liên thông dữ liệu giữa văn hóa với các lĩnh vực du lịch, giáo dục, thông tin truyền thông và khoa học công nghệ. Đẩy

mạnh chia sẻ, dùng chung các nền tảng dữ liệu số để tối ưu hóa nguồn lực đầu tư, tạo hệ sinh thái văn hóa số thống nhất, đồng bộ và bền vững.

c) Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số văn hóa:

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành văn hóa theo hướng làm chủ công nghệ số và kỹ năng quản trị dựa trên dữ liệu. Lồng ghép nội dung này vào chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh.

- Hình thành mạng lưới chuyên gia số ngành văn hóa tại cấp tỉnh và cấp xã, ưu tiên tuyển chọn những người am hiểu di sản dân tộc và có năng lực sáng tạo nội dung trên không gian mạng.

- Chủ động thiết lập các chương trình liên kết giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các đối tác để đào tạo chuyên sâu về quản trị di sản số, bảo tàng ảo và du lịch số.

- Hình thành mạng lưới cộng tác viên số tại thôn, tổ dân phố: Tuyển chọn và tập huấn kỹ năng số cho lực lượng cộng tác viên văn hóa cơ sở để hỗ trợ số hóa dữ liệu văn hóa, hướng dẫn sử dụng dịch vụ văn hóa số cho người dân; tập huấn kỹ năng số, truyền thông số và khởi nghiệp sáng tạo dựa trên tài nguyên văn hóa bản địa.

- Khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia các cuộc thi sáng tạo nội dung số, sản xuất video clip quảng bá về văn hóa, con người Quảng Ngãi; kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa các thiết chế mỹ thuật - triển lãm với lĩnh vực giáo dục mỹ thuật trong nhà trường để nâng cao thẩm mỹ cho học sinh.

d) Phát triển hạ tầng số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong lĩnh vực văn hóa :

- Tập trung hoàn thiện và nâng cấp hạ tầng số của ngành văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh, đảm bảo kết nối đồng bộ với Trung tâm dữ liệu của tỉnh và hạ tầng điện toán đám mây dùng chung. Ưu tiên phát triển các nền tảng dữ liệu chuyên ngành theo mô hình chia sẻ, trọng tâm là: Nền tảng di sản văn hóa số, nền tảng thư viện số và cơ sở dữ liệu về các loại hình nghệ thuật truyền thống như Bài chòi, hát bả trạo, cồng chiêng và các loại hình nghệ thuật dân gian tiêu biểu của tỉnh... đảm bảo hạ tầng văn hóa số có năng lực lưu trữ, xử lý và truyền tải các tài nguyên số đa phương tiện, dữ liệu 3D và các ứng dụng thực tế ảo phục vụ quảng bá du lịch và giáo dục di sản.

- Triển khai kết nối, tích hợp hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với các nền tảng số quốc gia như: Cổng dịch vụ công quốc gia, nền tảng định danh và xác thực điện tử (VNeID), cơ sở dữ liệu quốc gia về

dân cư. Thực hiện cơ chế chia sẻ dữ liệu văn hóa liên ngành với các lĩnh vực giáo dục, du lịch, thông tin truyền thông để hình thành hệ sinh thái dữ liệu số phục vụ phát triển kinh tế số và du lịch thông minh trên địa bàn tỉnh; sử dụng các nền tảng dữ liệu di sản văn hóa số, bảo tàng số và không gian trưng bày tương tác để tích hợp làm nguồn học liệu trực quan, phục vụ công tác giảng dạy nội dung Giáo dục địa phương tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các giải pháp quản trị tập trung tài nguyên số lĩnh vực văn hóa; xác lập cơ chế kiểm soát truy cập và khai thác dữ liệu chặt chẽ, đảm bảo chủ quyền văn hóa trên không gian mạng.

- Tổ chức đánh giá, thẩm định và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin chuyên ngành văn hóa của tỉnh theo quy định. Triển khai SOC giám sát tập trung, đánh giá cấp độ hệ thống thông tin, kiểm thử xâm nhập định kỳ, xây dựng phương án xử lý sự cố.

- Thúc đẩy sử dụng hạ tầng điện toán đám mây dùng chung của tỉnh và các công nghệ hạ tầng mới trong quản lý tài nguyên văn hóa. Ưu tiên triển khai mô hình "hạ tầng như một dịch vụ" trên nền tảng đám mây dùng chung; tận dụng nền tảng điện toán biên, mạng phân phối nội dung (CDN), các công nghệ truyền phát dữ liệu số như truyền phát trực tuyến (streaming), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), Internet vạn vật (IoT) và các công nghệ tiên tiến khác nhằm tối ưu chi phí và nâng cao hiệu suất vận hành.

- Ứng dụng và vận hành các nền tảng số, hạ tầng dữ liệu dùng chung để thu hút cộng đồng tham gia phát triển văn hóa; kết nối hiệu quả với các sàn giao dịch quốc gia về sản phẩm văn hóa, bản quyền và tài sản văn hóa số. Phát huy vai trò dẫn dắt của nhà nước trong việc xây dựng hạ tầng văn hóa số thiết yếu, tạo "dòng chủ lưu" trong sáng tạo các sản phẩm văn hóa đặc trưng của Quảng Ngãi, hình thành hệ sinh thái văn hóa số bền vững gắn với phát triển kinh tế số, các ngành công nghiệp văn hoá và du lịch thông minh.

- Nghiên cứu áp dụng Bộ chỉ số về chuyển đổi số văn hóa do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, triển khai trên địa bàn tỉnh dựa trên mức độ hài lòng của người dân và du khách. Ứng dụng Big Data và AI trong thu thập, phân tích và đo lường, bảo đảm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách trong lĩnh vực văn hoá.

- Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa ngành Văn hóa với các ngành để đảm bảo tính đồng bộ trong quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu văn hóa số của tỉnh. Đảm bảo hệ sinh thái dữ liệu văn hóa số của tỉnh tương thích và liên thông với các chương trình chuyển đổi số quốc gia, hệ thống định danh điện tử (VNeID) và các cam kết về bản quyền, tài sản số theo thông lệ quốc tế. Phối hợp liên ngành

trong việc giám sát an toàn thông tin, ngăn chặn các nội dung văn hóa xấu độc trên môi trường mạng, bảo đảm chủ quyền văn hóa số của địa phương.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trên các lĩnh vực

a) Lĩnh vực Di sản văn hóa:

- Bảo đảm các di sản văn hóa được hiện diện trên môi trường số; ưu tiên số hóa đối với di tích quốc gia đặc biệt, bảo vật quốc gia và di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa đồng bộ, hiện đại, an toàn, liên thông, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và tích hợp với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan; phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học, giáo dục, quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), công nghệ quét và mô phỏng 3D trong công tác bảo tồn, phục dựng, quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa. Phát triển không gian trưng bày tương tác, giáo dục trải nghiệm và du lịch văn hóa số; đa dạng hóa nội dung, hình thức trưng bày; xây dựng các bộ sưu tập số tương tác và mô hình kinh tế sáng tạo trong lĩnh vực bảo tàng, di sản văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa và quảng bá văn hóa Việt Nam trên không gian số.

- Phát triển hệ thống tham quan trực tuyến, vé điện tử, hệ thống thuyết minh và hướng dẫn tự động đa ngôn ngữ; xây dựng các nền tảng số, ứng dụng di động phục vụ tra cứu, tham quan, trải nghiệm và tương tác với di sản văn hóa, bảo tàng nhằm mở rộng khả năng tiếp cận, nâng cao trải nghiệm của công chúng và du khách trong nước, quốc tế.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong công tác bảo tồn và bảo vệ di sản văn hóa vật thể, di tích, danh lam thắng cảnh; ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, khai thác dữ liệu, tái hiện không gian trưng bày, hiện vật và nâng cao chất lượng trải nghiệm tham quan. Đồng thời, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu số về di sản văn hóa; xây dựng cơ chế sao lưu, lưu trữ và bảo tồn dữ liệu số lâu dài.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia số hóa, xây dựng sản phẩm văn hóa số và quảng bá di sản văn hóa; phát triển nguồn nhân lực có năng lực ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực di sản văn hóa, bảo tàng; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác di sản văn hóa; mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, số hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

b) Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn và Văn học:

- Ghi âm, ghi hình, số hoá vở diễn, bản nhạc, kịch bản, tư liệu sân khấu, lễ hội, nghệ thuật truyền thống và các loại hình dân gian đặc sắc; ứng dụng công nghệ hiện đại để phục dựng, lưu giữ và phát huy giá trị các tác phẩm, loại hình nghệ thuật biểu diễn.

- Đổi mới phương thức quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn; chuyển đổi hệ thống quản lý hoạt động biểu diễn, lưu diễn, tổ chức chương trình sang hình thức trực tuyến, bảo đảm minh bạch, thuận tiện tra cứu; thiết lập quy trình quản lý nội dung số; xây dựng hệ thống theo dõi hoạt động biểu diễn theo vùng, thời gian, loại hình và đơn vị; liên thông dữ liệu với cơ quan thanh tra, cơ quan quản lý quyền tác giả và các quyền liên quan để kiểm soát, ngăn ngừa vi phạm; hình thành cơ sở dữ liệu về thị trường, khán giả và doanh thu biểu diễn phục vụ công tác quản lý và hoạch định chính sách.

- Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về nghệ sĩ, nhóm nghệ sĩ và đơn vị nghệ thuật (hồ sơ, thành tích, tác phẩm, quyền sở hữu trí tuệ...) phục vụ nghiên cứu, quản lý và quảng bá; ưu tiên số hoá các vở diễn kinh điển, nghệ sĩ gạo cội và di sản nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một, bảo đảm tính kế thừa, lan tỏa; kết nối, tích hợp dữ liệu từ các đơn vị nghệ thuật biểu diễn và cơ quan văn hoá địa phương, từng bước hình thành kho dữ liệu số dùng chung của ngành.

- Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về văn học quốc gia (các tác phẩm văn học Việt Nam tiêu biểu, nổi bật, giải thưởng văn học quốc gia, các cuộc thi viết, sáng tác, trại viết, trại sáng tác văn học, tác phẩm dịch từ tiếng Việt Nam ra tiếng nước ngoài...), hoàn thiện hệ sinh thái văn học số.

- Ứng dụng công nghệ mô phỏng, phục dựng không gian và hình thức biểu diễn để tái hiện không gian sân khấu, vở diễn huyền thoại, bảo tồn nghệ thuật truyền thống; xây dựng không gian biểu diễn số" và sân khấu số" tích hợp nhiều phương tiện, âm thanh - ánh sáng và kỹ xảo hiện đại; tổ chức biểu diễn ảo, giao lưu trực tuyến nghệ sĩ - khán giả, mở ra các hình thức biểu diễn mới phù hợp xu thế số.

c) Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm:

- Triển khai số hoá tác phẩm và dữ liệu quản lý tác phẩm, tác giả; thực hiện số hoá, lưu trữ bản gốc các tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh đạt giải thưởng hoặc tham dự triển lãm chính thức nhằm hình thành kho tư liệu chuẩn.

- Hỗ trợ triển lãm trên không gian số; kết nối, chia sẻ giữa các thiết chế mỹ thuật - triển lãm với lĩnh vực giáo dục mỹ thuật, du lịch văn hoá và hệ thống dữ liệu văn hoá quốc gia.

- Bảo hộ quyền tác giả, các quyền liên quan và xác thực tác phẩm trên môi trường số; kết nối dữ liệu về tác phẩm, giải thưởng, triển lãm với hệ thống dữ liệu văn hoá quốc gia, bảo đảm công khai, minh bạch trong xét duyệt, cấp phép và quản lý; hỗ trợ tra cứu thông tin về lịch sử triển lãm, giải thưởng, nguồn gốc tác phẩm, phục vụ công tác thẩm định, định giá và quản lý sưu tập.

d) Lĩnh vực Điện ảnh:

- Bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực điện ảnh; quản lý thống nhất, khả năng truy xuất và liên thông dữ liệu, đồng thời hỗ trợ tra cứu, nghiên cứu, quảng bá và khai thác giá trị của phim Việt Nam trong môi trường số.

- Tăng cường hợp tác chuyển giao tri thức, công nghệ và kinh nghiệm quản trị số trong lĩnh vực điện ảnh.

đ) Lĩnh vực Thư viện:

- Đẩy mạnh số hóa có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên tài liệu in cổ, quý hiếm, tài liệu địa chí, thư tịch, tài liệu nghe nhìn và các loại hình tư liệu di sản văn hóa gắn với tri thức bản địa, tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực và giá trị sử liệu của dữ liệu số.

- Áp dụng các giải pháp bảo tồn lâu dài, lưu trữ đa tầng và bảo mật cao nhằm phòng ngừa rủi ro mất mát, hư hại dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin trong suốt vòng đời quản lý, khai thác và sử dụng.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, đảm bảo khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý tài nguyên thông tin, thống kê, phân tích nhu cầu và hỗ trợ phục vụ bạn đọc; tiếp tục phát triển hệ thống tra cứu trực tuyến, mã QR nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin mọi lúc, mọi nơi.

e) Lĩnh vực Báo chí - Truyền thông:

- Đẩy mạnh chuyển đổi hoạt động báo chí sang môi trường số; phát triển báo chí đa nền tảng; xây dựng ứng dụng báo chí - truyền thông đa phương tiện tích hợp đọc tin, xem các đoạn phim (video), chương trình truyền hình số (vodcast), nghe các chương trình phát thanh số (podcast) tương tác và chia sẻ nội dung trên cùng một nền tảng.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, quản trị nội dung, biên tập, tổng hợp, dịch tự động đa ngôn ngữ, phân tích xu hướng và cá nhân hóa nội dung;

ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để thu thập, phân tích hành vi, thị hiếu công chúng, phục vụ dự báo xu hướng tiếp nhận, tiêu dùng tác phẩm văn hóa và định hướng thông tin kịp thời, chính xác.

- Xây dựng và duy trì các chuyên trang, kênh truyền thông đa ngôn ngữ phục vụ quảng bá hình ảnh tỉnh Quảng Ngãi trên môi trường số.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh, bảo đảm kết nối đồng bộ với nền tảng quản lý tập trung cấp tỉnh (Hệ thống thông tin nguồn).

- Tăng cường quản lý thông tin trên môi trường số và các nền tảng mạng xã hội; tiếp tục triển khai, duy trì và khai thác hiệu quả phần mềm theo dõi, tổng hợp thông tin báo chí, mạng xã hội phản ánh về tỉnh Quảng Ngãi, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, kịp thời phát hiện, xử lý thông tin, bảo đảm an toàn thông tin, văn hóa, tư tưởng trên môi trường số.

g) Lĩnh vực Văn hoá cơ sở và Gia đình:

- Thực hiện số hoá, chuẩn hoá nội dung; xây dựng kho nội dung số gồm các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền, bảo đảm cung cấp và khai thác tài nguyên dùng chung đồng bộ, hiệu quả.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu các quy ước, hương ước cổ của các thôn, làng trên địa bàn tỉnh; đầu tư trang thiết bị để thu thập tư liệu, xử lý tư liệu sau khi thu thập được để thực hiện số hóa.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ và tuyên truyền lưu động; thực hiện ghi hình, phát trực tiếp và lưu trữ dữ liệu số, góp phần phát triển văn hóa số cộng đồng, giữ gìn bản sắc dân tộc và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số.

- Đầu tư, trang bị thiết bị trình chiếu, thư viện điện tử, màn hình tương tác và đường truyền Internet tốc độ cao tại nhà văn hoá, trung tâm văn hoá - thể thao cấp tỉnh, cấp xã; hình thành không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng hiện đại, kết hợp trực tiếp và trực tuyến.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa; triển khai hệ thống đánh giá, chấm điểm các danh hiệu văn hóa trên môi trường số theo hướng công khai, minh bạch, khách quan.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Việc triển khai Kế hoạch được thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nguồn lực của tỉnh, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả:

Năm 2026, tập trung xây dựng kiến trúc tổng thể dữ liệu văn hóa số của tỉnh; xây dựng danh mục dữ liệu dùng chung ngành văn hóa, tiêu chuẩn dữ liệu; tiếp tục triển khai số hóa di tích, bảo tàng số, thư viện số.

Giai đoạn 2027-2028, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách; mở rộng số hóa dữ liệu trên toàn tỉnh; hoàn thiện kho dữ liệu văn hóa số dùng chung; kết nối, liên thông dữ liệu với nền tảng của tỉnh và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; triển khai các nền tảng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Giai đoạn 2029-2030, tập trung hoàn thiện hệ sinh thái văn hóa số, đưa dữ liệu văn hóa số trở thành tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế số, khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác quản lý; đánh giá tổng thể mức độ chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa toàn tỉnh.

VI. DANH MỤC DỰ ÁN: *(Có phụ lục gửi kèm).*

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; các nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt; huy động từ các nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác tuyên truyền về chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, lực lượng lao động trong lĩnh vực văn hóa.

- Chủ trì xây dựng, hoàn thiện và tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số của ngành; xác định rõ danh mục nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm theo từng giai đoạn; bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và khả năng cân đối nguồn lực.

- Tham mưu cơ chế, chính sách nhằm huy động các nguồn lực xã hội hóa, khuyến khích hợp tác công - tư trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa; hỗ trợ phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa số có giá trị gia tăng.

- Tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành; chủ trì thực hiện số hóa dữ liệu di sản văn hóa, thư viện, bảo tàng, lễ hội, gia đình…; bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, cập nhật thường xuyên, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin của tỉnh và Trung ương.

- Tham mưu tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng hợp hằng năm, báo cáo Bộ VHTTDL và Thủ tướng Chính phủ; tổ chức tổng kết vào năm 2030.

2. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở VHTT&DL và các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch bảo đảm phù hợp với kiến trúc chính quyền số, tiêu chuẩn kỹ thuật và định hướng chuyển đổi số của tỉnh.

3. Sở Tài chính:

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan. Hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa theo quy định.

4. Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực văn hóa.

- Tham mưu lồng ghép tiêu chí chuyển đổi số vào nội dung đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của cán bộ, công chức, viên chức; gắn kết quả chuyển đổi số với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá người đứng đầu.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai việc liên thông, chia sẻ dữ liệu số phục vụ giáo dục; chỉ đạo các cơ sở giáo dục ứng dụng các nền tảng di sản số, bảo tàng ảo vào công tác giảng dạy; khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia sáng tạo nội dung số về văn hóa địa phương.

6. Công an tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin trong lĩnh vực văn hóa; hướng dẫn triển khai các giải pháp bảo vệ dữ liệu, phòng, chống tấn công mạng, rò rỉ thông tin.

- Phối hợp kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin; kịp thời phát hiện, xử lý các nguy cơ, sự cố mất an toàn thông tin trong quá trình vận hành hệ thống.

7. Các cơ quan báo chí tỉnh:

- Đẩy mạnh chuyển đổi hoạt động báo chí sang môi trường số; phát triển báo chí đa nền tảng; xây dựng ứng dụng báo chí - truyền thông đa phương tiện tích hợp các loại hình nội dung số.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, quản trị nội dung, biên tập, tổng hợp, dịch tự động đa ngôn ngữ, phân tích xu hướng và cá nhân hóa nội dung; ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để thu thập, phân tích hành vi, thị hiếu công chúng, phục vụ dự báo xu hướng tiếp nhận, tiêu dùng tác phẩm văn hóa và định hướng thông tin kịp thời, chính xác.

- Xây dựng các chuyên mục, đẩy mạnh truyền thông đa ngôn ngữ tuyên truyền, quảng bá hình ảnh về tỉnh Quảng Ngãi trên môi trường số.

8. Các sở, ban, ngành:

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa hoặc lồng ghép triển khai các nhiệm vụ có liên quan về chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa vào các chương trình, đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý; phối hợp cập nhật, cung cấp dữ liệu, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và kịp thời.

9. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu:

Xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa tại địa phương. Chủ động rà soát, thống kê, cập nhật dữ liệu văn hóa trên địa bàn và tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành; bảo đảm dữ liệu được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và chính xác.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Yêu cầu các sở, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các sở ban ngành, địa phương;
- Lưu: VT, KGVX

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc

PHỤ LỤC

NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung chính	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng CSDL văn hóa tỉnh	Số hóa, chuẩn hóa dữ liệu di sản, lễ hội, di tích, làng nghề, gia đình,	2026-2028	Sở VHTTDL	Sở KH&CN, UBND xã, phường, đặc khu
2	Kho dữ liệu văn hóa số dùng chung	Tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu toàn ngành	2026-2029	Sở VHTTDL	Sở KH&CN
3	Hệ thống quản lý di sản văn hóa	Quản lý hồ sơ di tích, di sản phi vật thể trên môi trường số	2026-2028	Sở VHTTDL	UBND xã, phường, đặc khu
4	Đề án Thư viện số tỉnh Quảng Ngãi	Số hóa tài liệu, cung cấp dịch vụ đọc trực tuyến; Kết nối, liên thông chia sẻ tài nguyên số giữa Nền tảng Thư viện số của tỉnh với hệ thống Thư viện số của các trường phổ thông trên địa bàn	2026-2028	Sở VHTTDL	Sở GD&ĐT; Doanh nghiệp CNTT
5	Bảo tàng số	Số hóa hiện vật 3D, trưng bày trực tuyến	2026-2028	Sở VHTTDL	Doanh nghiệp CNTT
6	Hệ thống di tích số (QR + bản đồ số)	Gắn mã QR, bản đồ du lịch số, thuyết minh tự động	2026-2028	Sở VHTTDL	UBND xã, phường, đặc khu
7	Hệ thống quản lý gia đình và đời sống văn hóa	CSDL, chấm điểm danh hiệu văn hóa	2026-2028	Sở VHTTDL	UBND xã, phường, đặc khu
8	Nền tảng nội dung số văn hóa	Sản xuất, phát hành nội dung số địa phương	2027-2030	Sở VHTTDL	Báo và PT&TH Quảng Ngãi vbnbvgfdres rfcgvnm ,,nycfexzdqs xdACN.

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung chính	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
9	Dự án số hóa nghệ thuật truyền thống tiêu biểu	Số hóa nghệ thuật Bài chòi, hát bả trạo, cồng chiêng và các loại hình nghệ thuật dân gian tiêu biểu của tỉnh…	2027-2028	Sở VHTTDL	UBND xã, phường, đặc khu
10	Đào tạo nguồn nhân lực CĐS ngành văn hóa	Bồi dưỡng kỹ năng số, quản trị dữ liệu	Hằng năm	Sở VHTTDL	Sở Nội vụ